Ninh Bình, ngày 04-06 tháng 03 năm 2022

## ĐIỀU TRỊ TẮC ĐỘNG MẠCH CHI TẦNG DƯỚI GỐI BẰNG CAN THIỆP NỘI MẠCH TẠI BV ĐHYD TP. HCM

BS. Nguyễn Minh Tấn, Bs. Lương Việt Thắng, Bs. Lê Phi Long, Bs. Trần Thanh Vỹ

Khoa Lồng ngực Mạch máu, BV ĐHYD TP. HCM



# Đặt vấn đề

- Đặc thù của tổn thương động mạch tầng dưới gối:
- ✓ Nguyên nhân chủ yếu do xơ vữa
- ✓ Đối tượng: BN ĐTĐ
- ✓ Tổn thương kéo dài, vôi hoá, nhiều nhánh phối hợp
- Ước tính 350-500 triệu người ĐTĐ trên toàn thế giới
- Khoảng 1/4 BN ĐTĐ xuất hiện loét bàn chân (DFU) ít nhất 1 lần trong đời
- Phối hợp đa chuyên khoa (nội khoa, mạch máu, CTCH, tạo hình thẩm mỹ)
- Vai trò mạch máu: tái thông mạch máu, tối ưu hóa tưới máu vết thương (bypass, can thiệp nội mạch)



#### Câu hỏi

Hiệu quả bảo tồn chi của kĩ thuật can thiệp nội mạch tầng dưới gối như thế nào?





# Kĩ thuật can thiệp dưới gối

Vị trí chọc kim: xuôi dòng đm đùi cùng bên

Kĩ thuật chọc kim: dưới HD siêu âm

Kĩ thuật vượt sang thương: trong lòng thật hoặc dưới nội mạc, có thể phối hợp thêm tiếp cận ngược dòng

Phương pháp tái thông: nong bóng

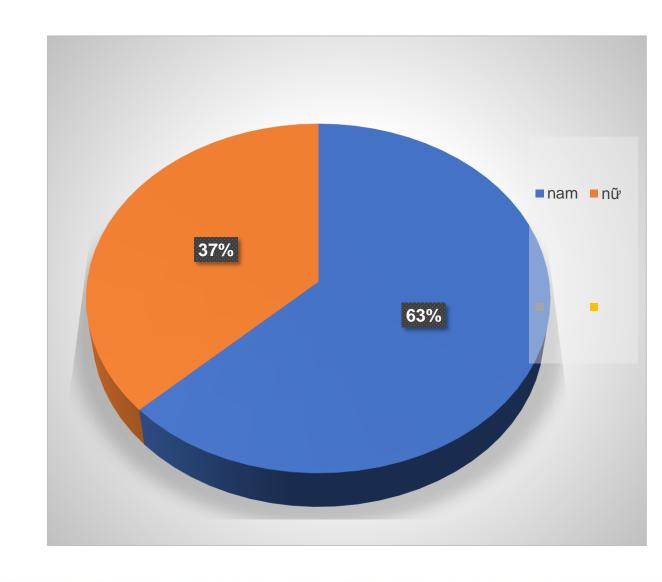


## Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế: Hồi cứu
- Thời gian: 2020 2021
- Địa điểm: BV ĐHYD TP. HCM
- TC lấy mẫu: BN được can thiệp nội mạch, có tổn thương đích tầng ĐM dưới gối cần tái thông
- TC loại trừ:
- BN được pt bắc cầu chủ động từ đầu hoặc kết hợp sau can thiệp
- BN không tái khám, không theo dõi đầy đủ



- 70 bn (78 chi) đủ điều kiện chọn mẫu
- Tuổi trung bình: 73.2
  ± 9.1 (50-91)
- Giới: Nam / Nữ = 1.69/1 (44/26)
- Chân (P) / (T) = 1.26/1 (39/31)





#### PHÂN ĐỘ WIFI

WIFI	N (78 CHI)	Tỉ LỆ %
1	4	5.1%
2	9	11.5%
3	34	43.6%
4	31	39.7%



- Kĩ thuật can thiệp:
  - Pp vô cảm: tê tại chỗ 97.4% (76/78), mê toàn thân 2.6% (2/78)
  - Đường tiếp cận: xuôi dòng ĐM đùi cùng bên 98.7% (77/78),
     ĐM đùi đối bên 1.3% (1/78)
  - Kĩ thuật chọc kim: 100% dưới HD siêu âm



Sang thương trên DSA

-			
		N (78)	Tỉ lệ (%)
	Sang thương dưới gối		
	1 nhánh	15	19.1%
5	2 nhánh	42	53.8%
	3 nhánh	21	27.9%
	Sang thương phối hợp cần can thiệp		
	SFA	19	24.4%
	PA	2	2.6%
	Chậu	1	1.3%
	Thời gian can thiệp	93.7 ± 36.6 p	hút (30-180p)



- Thành công về mặt kĩ thuật: 60/78 (76.7%)
  - Tái thông ATA 26/60 (43.3%)
  - Tái thông PTA 11/60 (18.3%)
  - Tái thông ATA + PTA 8/60 (13.3%)
  - Tái thông dưới mắt cá (ĐM mu chân, gan chân): 6/60
     (10%)
  - Tái thông mác 9/60 (15%)



	N (78)	Tỉ lệ %
Thành công về mặt kĩ thuật	60	76.7%
Xuôi dòng	54 (90%)	
Phối hợp ngược dòng	6 (10%)	

Thất bại	18	23.3%
Không vượt được sang thương	15 (83.3%)	
Bóc tách	3 (16.7%)	
Chuyển pt bypass	4 (22%)	

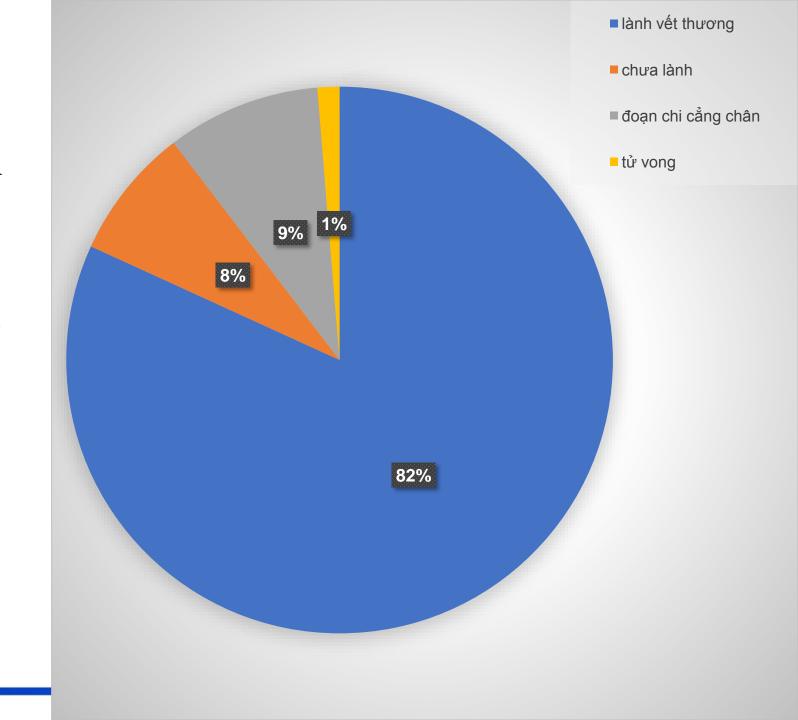
## Biến chứng

- Biến chứng tại chỗ: 4/78 (5.1%)
- Biến chứng toàn thân chu phẫu: 5/78 (6.4%)
  - 3 ca (3.8%) nhồi máu cơ tim cấp sau can thiệp
  - 1 ca (1.3%) sốc nhiễm trùng
  - 1 ca (1.3%) b/c suy thận mạn cần chạy thận định kì



### KQ sau 6 tháng

- 63/78 (80.1%) chi lành vết thương
- 6/78 (7.7%) chưa lành, tuy nhiên có giảm diện tích vết loét
- 7/78 (9%) đoạn chi 1/3 trên cẳng chân
- Thời gian lành trung bình ở nhóm lành thương: 13.5 ± 5.1 tuần



## Bàn luận

- Sang thương / DSA:
  - >80% tắc nhiều nhánh phối hợp
  - Khoảng ¼ các trường hợp có kèm theo tồn thương đùi khoeo cần xử trí
- Tỉ lệ thành công về mặt kĩ thuật:

Nghiên cứu	Tỉ lệ thành công
Marie Pave'	87.9%
Rita Fossaceca	94.5%
Vlad Alexandrescu	80%
Chúng tôi	76.7%



## Bàn luận

- Biến chứng tại chỗ: thấp, khoảng 5.1%, chủ yếu là hematoma tự giới hạn, không cần can thiệp ngoại khoa. Đối chiếu y văn, tỉ lệ biến chứng tại chỗ 2-10%
- Biến chứng toàn thân:

Nghiên cứu	Biến cố lớn chu phẫu	Tử vong chu phẫu
Jeffrey J. Siracuse	3.6%	0.45%
E Dinoto	4.4%	0%
Chúng tôi	5.1%	1.3%

# Bàn luận Tỉ lệ lành vết thương (6 tháng)

	Lành thương	Không lành
Nhóm can thiệp hoặc bypass thành công N=64	58 (90.6%)	6 (9.4%)
Nhóm can thiệp thất bại N=14	6 (42.9%)	8 (57.1%)



# Bàn luận Tỉ lệ đoạn chi (6 tháng)

Nghiên cứu	Tỉ lệ đoạn chi lớn
E Dinoto	2.4%
Rita Fossaceca	8.9%
Vlad Alexandrescu	11%
Chúng tôi	8.97%



# Kết luận

- Can thiệp nội mạch tầng ĐM dưới gối là một thủ thuật an toàn, biến chứng thấp (5%)
- Tỉ lệ thành công về mặt kĩ thuật: 76.7%
- Tỉ lệ bảo tồn chi, lành vết thương cao: >80%



